TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12- 01 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thế Phương.
2. Bà Trần Thị Lệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Trần Quang Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống từ năm 1998, đến năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2021, ông C ngoại tình, hay bỏ nhà

đi, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng cãi vã, không còn yêu thương, không còn tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà yêu cầu Toà giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Phương T cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Hoài T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C khai như sau:

Ông và bà T tự nguyện chung sống từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tà vào năm 2001. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006. Con chung Nguyễn Thị Hoài T đã kết hôn tại xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Con chung Nguyễn Thị Phương T đang học tại trường THCS H. Quá trình vợ chồng chung sống ban đầu thì hạnh phúc. Từ khoảng tháng 7-2021, vợ chồng mâu thuẫn do ghen tuông dẫn đến cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Qua yêu cầu ly hôn của bà T thì ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên xin Tòa hòa giải cho vợ chồng. Trường hợp, bà T kiên quyết ly hôn thì ông chấp nhận. Về con chung, nếu trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Phương T cho bà T trực tiếp nuôi, ông tự cấp dưỡng cho con tùy vào khả năng kinh tế của mình. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nhiều lần, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt ông C là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006 cho bà T trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi, ông C không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Hoài T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung: Không không xem xét. Về án phí

hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn C nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của bà T, Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 01 năm 2001 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Xét lời khai của bà T và ông C trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của bà T tại phiên tòa nhận thấy bà T và ông C đều thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải thì ông C nhiều lần vắng mặt. Xét lời khai tại biên bản lấy lời khai của ông C vào ngày 11-11-2021, mặc dù có nguyện vọng đoàn tụ nhưng bản thân ông lại bỏ mặc tình cảm vợ chồng, không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên đoàn tụ gia đình nhưng bà T cương quyết yêu cầu ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông C là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông C.

[2.2] Về con chung: Căn cứ các Giấy khai sinh số 107 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Giấy

khai sinh số 202 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 30 tháng 10 năm 2000, có cơ sở để xác định: Bà T và ông C có hai con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Phương T của bà T: Lời khai của bà T xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Thuỳ sống với mẹ, bà T hiện có việc làm, có thu nhập, bản thân cháu là con gái, cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ; cháu Thuỳ cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bản thân ông C cũng đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi. Do vậy, để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu Thuỳ, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho bà T trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: Do bà T không yêu cầu nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2006 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Hoài T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp

luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5508 ngày 14-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-01-2022), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Thị Huyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường